TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 524/2023/DS-PT
Ngày: 26-9-2023
V/v "Tranh chấp dân sự về Thừa kế theo pháp luật, thừa kế theo di chúc; hủy Quyết định hành chính; tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp dân sự về Thừa kế theo pháp luật, thừa kế theo di chúc; hủy Quyết định hành chính; tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 226/2022/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Văn Đ, sinh năm 1958;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Kim P, sinh năm 1959 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố E, Phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

(Là đại diện ủy quyền - Văn bản ủy quyền số 3710, quyển số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Phòng Công chứng số B Tiền Giang).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thanh T – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Lê Thị N, sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Lê Thị H, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Là đại diện ủy quyền - Văn bản ủy quyền số 007313, quyển số 05-SCT/CK, ĐC ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Văn phòng C2, tỉnh Tiền Giang).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Quang V – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Lê Thị H, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Lê Văn B, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố F, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Lê Văn L1, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.5. Lê Văn T1, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.6. Phan Quốc T2, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường N, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7. Văn phòng C2;

Đại diện theo pháp luật: Bùi Phú M (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường N, ấp H, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.8. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn P1 - Giám đốc (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.9. Anh Trịnh Quốc T3, sinh năm 2001 (vắng mặt);

3.10. Trịnh Thị Thúy N1, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Cùng hộ khẩu thường trú: Tổ A, Khu phố F, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Cùng địa chỉ liên lạc: ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.11. Ngân hàng N3;

Địa chỉ: phường L, Quận B, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Trần Phi C – Giám đốc Ngân hàng N3 - Chi nhánh thị xã G, Tiền Giang (vắng mặt);

(Là đại diện ủy quyền – theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

Địa chỉ: Đường T, Phường A, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại bản tự khai của ông Lê Văn Đ là nguyên đơn; tại phiên tòa sơ thẩm bà Đỗ Thị Kim P là đại diện ủy quyền của ông Lê Văn Đ và ông Nguyễn Thanh T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn Đ trình bày:

Cha ông Đ là ông Lê Văn C1, chết ngày 27 tháng 8 năm 2010 và mẹ là bà Nguyễn Thị H1, chết ngày 10 tháng 10 năm 2003. Ông C1 và bà H1 có 07 người con chung gồm: Lê Văn Đ, Lê Thị N, Lê Thị H, Lê Thị Mỹ L, Lê Văn L1, Lê Văn T1, Lê Văn B. Cha ông C1 là ông Lê Văn M1 chết cách nay khoảng 60 năm và mẹ là bà Trần Thị N2, chết năm 1968. Cha bà H1 là Nguyễn Văn S và mẹ là Mai Thị T4 cả hai đã chết trước năm 1999.

Di sản của ông C1 và bà H1 chết để lại gồm có:

01 căn nhà cấp 4, ngang 10m, dài 15, xây năm 1992 trên thửa đất 499;

Thửa đất 499, diện tích 390m^2, đất ONT+CLN;

Thửa đất số 500, diện tích 2.990m^2, đất lúa;

Thửa đất số 502, diện tích 3.000m^2, đất LUC. Thửa này có 03 căn nhà gồm nhà của bà L, ông L1, ông T1 đang ở và không tranh chấp 03 căn nhà này.

Thửa đất số 503, diện tích 3.000m^2, đất LUC;

Thửa đất số 232, diện tích 1.000m^2, đất LUC.

Nhà đất tại ấp L, xã L, thị xã G.

Bà H1 chết không để lại di chúc.

Ông C1 chết để lại di chúc. Di chúc 1.000m^2 đất lúa cấp cho cá nhân ông C1 và phần di sản trong khối tài sản chung của hộ là 9.380m^2 đất ở L, xã L chia đều cho 06 người con gồm: bà N, bà H, bà L, ông L1, ông T1, ông B.

Nhà và quyền sử dụng đất các thửa 499, 500, 502, 503 do bà N đứng tên quyền sử dụng đất. Thửa 232, ông Phan Quốc T2 đang quản lý, đứng tên.

Nay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Chia thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ di sản của ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị H1 chết để lại gồm:

Thửa 500, TBĐ 05, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04786 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09 tháng 02 năm 2018;

Thửa 499, TBĐ 05, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04785 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09 tháng 02 năm 2018;

Thửa 503, TBĐ 05, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04788 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09 tháng 02 năm 2018;

Thửa 502, TBĐ 05, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04787 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09 tháng 02 năm 2018;

Thửa 232 do ông Phan Quốc T2 đứng tên, quản lý.

(Tổng diện tích đất là 10.380m^2)

01 căn nhà cấp 4 trên thửa đất 499;

Cách chia cụ thể:

Nhà chia làm 07 phần cho 07 anh chị em ông Đ. Nhà xin hưởng bằng giá trị tính ra tiền Việt Nam đồng.

Đất thửa 499, 500, 502, 503, 232 chia theo pháp luật đối với phần di sản của bà H1; phần di sản của ông C1 chia cho ông Đ hưởng 01 suất bằng 2/3 suất của người thừa kế theo pháp luật, yêu cầu nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất tại thửa 502.

Tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất lúa diện tích 1.000m^2 thuộc thửa 232, tờ bản đồ số 05 tại ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang được ký giữa bà Lê Thị H với ông Phan Quốc T2 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Văn phòng C2 số 000879, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD;

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04784 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09 tháng 02 năm 2018 cho bà Lê Thị H đứng tên;

Hủy cập nhật biến động theo hồ sơ số 079065005339 sang cho ông Phan Quốc T2 ngày 26 tháng 02 năm 2020 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G ký;

Hủy Văn bản từ chối nhận di sản của bà N, ông L1, ông T1, ông B do Văn phòng C2 lập;

Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N.

Ông Đ yêu cầu bởi các căn cứ sau:

Bà H1 chết không để lại di chúc;

Do ông Đ là người bị tàn tật mất sức khỏe 86% nên không phụ thuộc vào di chúc theo quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Ông Đ được tặng cho quyền sử dụng đất lúa và căn nhà tại số A Khu phố E, Phường D, thị xã G trước khi ông C1, bà H1 chết nên phần di sản còn lại theo quy định của pháp luật ông Đ được hưởng thì phải công nhận;

Nhà thờ hiện nay và nhà thờ cũ trước đây vẫn là một. Ông Đ không có nhu cầu nhận nhà thờ vì giờ nhà này bà N quản lý bán ra chia thì cũng không còn là nhà thờ nữa.

Pháp luật không quy định người tàn tật như ông Đ phải nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị;

Văn bản từ chối nhận di sản của anh chị em ông Đ là không có giá trị vì việc từ chối nhận di sản làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Đ và nội dung từ chối là giả tạo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị N, bà Lê Thị H, ông Lê Văn L1, ông Lê Văn T1 là Luật sư Phan Thị U trình bày:

Thống nhất với nguyên đơn về việc ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị H1 chết và thống nhất 07 người con chung của ông H1 và bà C1 gồm có ông Đ, bà N, bà H, ông T1, ông L1, bà L, ông B.

Thửa đất 232 mà ông Phan Quốc T2 đứng tên với diện tích 1.000m^2 trước đây là tài sản của cá nhân ông C1 được em ông C1 tặng cho nên ông C1 có toàn quyền định đoạt tài sản này và ông đã di chúc cho 06 người con còn lại trừ ông Đ nên việc bà H đứng tên và sang nhượng cho ông T2 là đúng quy định của pháp luật nên không đồng ý theo yêu cầu của ông Đ.

Trên đất thửa 499 có căn nhà kiên cố và công trình xây dựng trên đất như sân, hàng rào, cây trồng lâu năm. Căn nhà này xây mới sau khi ông C1 chết, xây năm 2011 nên không đồng ý chia vì nhà này không phải là di sản của ông C1. Di chúc ông C1 có đề cập đến 01 căn nhà bán kiên cố và nhà bán kiên cố hiện nay không thấy hồ sơ thể hiện là còn.

Các thửa còn lại gồm 499, 500, 502, 503 là cấp cho hộ ông C1 mặc dù có nguồn gốc là của vợ chồng ông C1, bà H1 nên không đồng ý chia. Trong trường hợp di chúc vô hiệu một phần thì đồng ý chia phần di sản của bà H1 trong khối tài sản chung này theo pháp luật chia làm 09 kỷ phần gồm ông C1, 07 người con chung và 01 phần cho bà N vì có công sức quản lý, gìn giữ, tu bổ di sản theo Án lệ 05/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao mà không cần phải có thủ tục khởi kiện của bà N; phần còn lại là của hộ ông C1 gồm ông C1, ông T1, ông B, bà L. Phần của ông Đ nếu được hưởng sẽ tính bằng giá trị vì ông Đ đã có nhà, quyền sử dụng đất riêng, trên đất tranh chấp hiện nay thửa 502 có 03 căn nhà kiên cố của bà L, ông L1, ông T1 và công trình xây dựng trên đất như sân xi măng, hàng rào, rất nhiều cây trồng lâu năm, chuồng bò chăn nuôi.

Đối với di sản của ông C1 là quyền sử dụng đất thì không chia cho ông Đ theo Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015 vì ông Đ không thuộc đối tượng được hưởng 2/3 của suất thừa kế không phụ thuộc vào di chúc mặc dù ông Đ bị mất 86% sức khỏe nhưng qua xác minh tại địa phương, ông Đ có nghề nghiệp ổn

định là hành nghề xoa bóp, bấm huyệt; tại Tòa bà P khẳng định ông Đ có hành nghề này và từ lúc cưới bà đến nay ông Đ trồng trọt rau quả kiếm thu nhập chăm lo cho gia đình với 06 người con. Như vậy, cho thấy rằng ông Đ không phải là đối tượng bị mất khả năng lao động.

Không chấp nhận việc ông Đ yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N, bà H đối với các thửa đất 499, 500, 502, 503 và 232.

Không chấp nhận việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ yêu cầu hủy Văn bản từ chối nhận di sản của bà L, ông B, ông L1, ông T1 bởi lẽ trong suốt quá trình khởi kiện ông Đ không có yêu cầu và nếu thấy cần thiết thì đi kiện Văn phòng Công chứng nơi chứng thực Văn bản từ chối này.

Bà Lê Thị H trình bày:

Thống nhất với lời trình bày nêu trên của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà và bổ sung thêm là cha bà biết tính ông Đ tham lam nên trước khi chết cha bà lập di chúc để tặng cho di sản của cha cho 06 anh chị em còn lại, trong di chúc có nêu tên ông Đ là con nhưng không chia di sản cho ông Đ vì ông Đ đã được cha tặng cho nhà đất riêng rồi. Còn nhà của bà L đang ở là do tiền của bà xây. Thửa 502 hiện nay có 03 căn nhà và rất nhiều cây trồng lâu năm trên đất, chị em của bà đã thống nhất chia mỗi người ngang 10m để xây nhà ở vì hiện nay bản thân bà, ông B chưa có nhà.

Ông Lê Văn L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ vì đất cấp cho ông C1 là cấp sau khi bà H1 chết; đất thửa 499, 500, 502, 503 là cấp cho hộ nên phải tính phần của thành viên hộ. Ông Đ hành nghề xoa bóp, bấm huyệt đây là nghề đòi hỏi dùng sức, dùng lực mạnh mới có thể làm được nên ông Đ không phải là người mất khả năng lao động, ông Đ hành nghề là kinh doanh kiếm tiền nuôi 06 người con chứ không phải làm từ thiện như lời bà P trình bày.

Ông Lê Văn T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, đất cha ông được cấp sau khi mẹ ông chết nên việc cha ông làm di chúc được chính quyền công nhận thì di chúc của cha ông là hợp pháp cần phải tôn trọng.

Ông Lê Văn B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Cha mẹ ông là ông C1, bà H1 đã chết và cha mẹ ông có 07 người con như ông Đ trình bày nêu trên. Cha mẹ chết có để lại di chúc chia 10.380m^2 đất và căn nhà trên đất cho 06 người con trong đó không có phần của ông Đ vì trước khi làm di chúc cha ông đã tặng cho ông Đ 01 căn nhà, thửa đất 1.000m^2 và 4.000m^2 đất ruộng; trong di chúc có nêu tên ông Đ là con nhưng không chia di sản cho ông Đ vì ông Đ đã được cha tặng cho nhà đất riêng rồi.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Đ ông không đồng ý và trong trường hợp Tòa xét xử chia cho ông Đ phần di sản của bà H1 theo pháp luật thì ông

đồng ý hoàn giá trị như lời Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N trình bày nêu trên.

Bà Lê Thị Mỹ L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà đồng ý theo ý kiến của phía bà H. Sau khi cha chết ông T1 có đưa bà 01 số giấy tờ gì đó để ký tên và bà không rõ nhưng sau này mới biết là ký tên sang tên đất cho bà N. Việc ký tên này thật sự không đọc nội dung và thừa nhận có ký tên ra công chứng.

Ông Phan Quốc T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Trước khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà H, ông có đến Ủy ban nhân dân xã L và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G để hỏi hồ sơ chuyển nhượng có hợp pháp không và được trả lời là hợp lệ, không có tranh chấp nên hai bên mới thực hiện việc chuyển nhượng tại Văn phòng C2.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Đ, ông không đồng ý: hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất lúa diện tích 1.000m^2 thuộc thửa 232, tờ bản đồ số 05 tại ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang được ký giữa bà Lê Thị H với ông Phan Quốc T2 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Văn phòng C2 số 000879, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04784 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09 tháng 02 năm 2018 cho bà Lê Thị H đứng tên; hủy cập nhật biến động theo hồ sơ số 079065005339 sang cho ông Phan Quốc T2 ngày 26 tháng 02 năm 2020 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G ký; yêu cầu ông Đ không tranh chấp thừa kế đối với thửa 232.

Văn phòng C2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, Văn phòng C2 có tiếp nhận hồ sơ yêu cầu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Lê Thị H và ông Phan Quốc T2. Sau khi kiểm tra đầy đủ hồ sơ và thông tin thì Văn phòng Công chứng nhận hợp đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, Văn phòng Công chứng không ý kiến gì.

Anh Trịnh Quốc T3 và chị Trịnh Thị Thúy N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 226/2022/DS-ST ngày 08/12/2022 của Toà án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các điều 26, 35, 92, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 631, 633, 634, 635, 636, 639, 640, 642, 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 658, 669, 674, 675 và Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 500 và Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 và 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ:

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của của bà Nguyễn Thị H1, Lê Văn C1, Lê Văn Đ, Lê Thị N, Lê Văn L1, Lê Thị H, Lê Thị Mỹ L, Lê Văn T1, Lê Văn B.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của của ông Lê Văn C1: Lê Văn Đ, Lê Thị N, Lê Văn L1, Lê Thị H, Lê Thị Mỹ L, Lê Văn T1, Lê Văn B.

3. Xác định di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H1 chết để lại gồm:

½ Quyền sử dụng đất thửa 499, tờ bản đồ số 5, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04785 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09 tháng 02 năm 2018 cho bà Lê Thị N đứng tên. Qua đo đạc thực tế diện tích là 390m^2. Đất ONT+CLN trong đó diện tích đất ONT là 160m^2;

½ Quyền sử dụng đất thửa 500, tờ bản đồ số 7, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04786 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09 tháng 02 năm 2018 cho bà Lê Thị N đứng tên. Qua đo đạc thực tế diện tích là 2.990m^2, đất LUC;

½ Quyền sử dụng đất thửa 502, tờ bản đồ số 7, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04787 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09 tháng 02 năm 2018 cho bà Lê Thị N đứng tên. Qua đo đạc thực tế diện tích là 3.000m^2, đất LUC;

½ Quyền sử dụng đất thửa 503, tờ bản đồ số 7, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04787 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09 tháng 02 năm 2018 cho bà Lê Thị N đứng tên. Qua đo đạc thực tế diện tích là 3.000m^2, đất LUC.

½ Căn nhà chính trên thửa đất 499, xây năm 1997, tỷ lệ còn lại 35%. Cấu trúc cột bê tông, vách tường, nền gạch ceramic, mái fibro, diện tích 166,45m^2 trị giá 240.953.020 đồng.

4. Ông Lê Văn Đ được chia như sau:

Giá trị của 8,88m^2 đất ONT với số tiền 3.463.200 đồng (ba triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm đồng);

Giá trị của 12,77m^2 đất cây lâu năm với số tiền 2.043.200 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm đồng);

Giá trị của 499,44m^2 đất lúa với số tiền 64.927.200 đồng (sáu mươi bốn triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm đồng);

Giá trị của 1/9 trong ½ căn nhà chính với số tiền 13.386.278 đồng (mười ba triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng).

Tổng cộng là 83.819.878 đồng (tám mươi ba triệu tám trăm mười chín nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng).

Bà Lê Thị N, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Mỹ L, ông Trần Văn L2, ông Trần Văn B1, ông Trần Văn T5 cùng có nghĩa vụ giao cho ông Lê Văn Đ giá trị di sản tính bằng đồng Việt Nam với số tiền 83.819.878 đồng (tám mươi ba triệu

tám trăm mười chín nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng). Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Lê Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng bà Lê Thị N, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Mỹ L, ông Trần Văn L2, ông Trần Văn B1, ông Trần Văn T5 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản của ông Lê Văn C1;

6. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ về việc:

Tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất lúa diện tích 1.000m^2 thuộc thửa 232, tờ bản đồ số 05 tại ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang được ký giữa bà Lê Thị H với ông Phan Quốc T2 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Văn phòng C2 số 000879, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD;

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04784 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09 tháng 02 năm 2018 cho bà Lê Thị H đứng tên;

Hủy cập nhật biến động theo hồ sơ số 079065005339 sang cho ông Phan Quốc T2 ngày 26 tháng 02 năm 2020 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G ký;

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/12/2022, nguyên đơn ông Lê Văn Đ có đơn kháng cáo đề ngày 20/12/2022 đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 226/2022/DS-ST ngày 08/12/2022 của Toà án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét lại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công theo trình tự phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu:

Bản án sơ thẩm xác định di sản thừa kế là tài sản do cụ C1, cụ H1 để lại gồm các thửa đất: 499, 500, 502, 503 tại ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Di sản của cụ H1 được chia theo pháp luật. Các đương sự không kháng cáo về nội dung này. Di sản của cụ H1 được chia làm 09 phần, trong đó có một phần công sức gìn giữ di sản nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giao phần này cho ai, cũng không giao cho ông Đ trong khi nguồn gốc các thửa đất này do ông Đại đ lại cho cha mẹ. Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần Giám định, Thẩm định S, giá trị di sản được định giá cao hơn so với giá do Hội đồng

định giá được Tòa án cấp sơ thẩm thành lập định giá. Ông Đ kháng cáo yêu cầu được chia di sản thừa kế bằng hiện vật nhưng nếu không thể chia bằng hiện vật thì xin nhận bằng giá trị, do Hội đồng xét xử quyết định. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đ, xin được hưởng 2/3 suất thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Theo Kết luận giám định vào năm 2011 và ngày 05/7/2023 của Hội đồng giám định y khoa Sở Y tế tỉnh T, ông Đ được xác định tổn thương cơ thể do bệnh tật với tỷ lệ 89%. Căn cứ vào Thông tư liên bộ số 28/2013/TTLB-BYT-BLĐTBXH ngày 27/9/2013, tỷ lệ này được xác định không có khả năng lao động. Trong đơn kháng cáo bổ sung, ông Đ yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H và ông T2 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng nằm ngoài phạm vi khởi kiện. Tuy nhiên, cần xem xét để xác định lại di sản của cụ C1. Đồng thời, việc từ chối thừa kế di sản cụ C1 của em ông Đ là giả tạo. Nếu xác định đã từ chối thừa kế thì không thể buộc các em ông Đ trả giá trị suất thừa kế cho ông Đ. Tòa án cấp sơ thẩm không chia di sản thừa kế của cụ C1 cho ông Đ vì cho rằng ông được cha mẹ tặng cho tài sản khi cha mẹ còn sống là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu:

Ông Đ đã được cụ C1, cụ H1 cho tài sản trước khi chết. Ông Đại thừa n có nhà ở Phường D, thị xã G. Tại bút lục 265, xác minh tại địa phương, ông Đ có hành nghề xoa bóp, bấm huyệt. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đại thừa n có thể điều khiển xe gắn máy hai bánh như người bình thường theo hai đoạn clip do bị đơn cung cấp. Ngày 26/3/2029, ông Đ được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp nhân đạo nên chứng tỏ ông có thể hành nghề xoa bóp, bấm huyệt. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ, không thu thập được Tờ cam kết ngày 29/4/2004 nên đã chia di sản thừa kế của cụ H1 cho ông Đ là hơn 2/3 suất thừa kế. Giá theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần Giám định, Thẩm định Sài G là quá cao, không đúng với thực tế, không được bị đơn đồng ý. Bà N là người quản lý di sản nên cần được xem xét cho bà một phần công sức quản lý, gìn giữ di sản theo Án lệ 05/2016/AL. Về kháng cáo bổ sung của ông Đ, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết yêu cầu kháng cáo: Căn cứ hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cấp ngày 20/8/2004 cho hộ ông Lê Văn C1 thể hiện tại Tờ cam kết ngày 29/4/2004, các đồng thừa kế của bà H1 trong đó có ông Đ đã cam kết từ chối hưởng di sản thừa kế của mẹ, giao cho cha là ông C1 đứng tên. Trên cơ sở đó, hộ ông C1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/8/2004 đối với các thửa đất 679, 433.2, 433.4. Theo sổ mục kê, các thửa đất này do bà H1 đứng tên. Sau đó, ông C1 đăng ký bổ sung thửa đất và được cấp chung trong

Giấy chứng nhận ngày 20/8/2004. Theo Công văn số 486/CN.VP ngày 13/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G đã giải thích mâu thuẫn về mặt thời gian giữa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông C1 đối với các thửa đất 493, 729, 730, 679, 433.2, 433.4 và Đơn đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy, ông Đ đã từ chối thừa kế tài sản của bà H1 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chia di sản của bà H1 cho ông C1 là không đúng quy định của pháp luật. Phần nội dung này các đương sự không kháng cáo nên đã có hiệu lực pháp luật. Tuy vậy, để đảm bảo giải quyết vụ án toàn diện, cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thị xã Gò Công giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm. Do hủy án sơ thẩm nên chưa xét kháng cáo của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo đã thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Quốc T2, Trịnh Quốc T3, Trịnh Thị Thúy N1, Ngân hàng N3, Văn phòng C2, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt các đương sự.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định tranh chấp "Thừa kế tài sản" là đúng với tính chất của vụ án và thuộc phạm vi, thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc đưa người tham gia tố tụng tại giai đoạn xét xử phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/5/2023, đại diện bị đơn xác định tài sản tranh chấp đang được thế chấp tại Ngân hàng N3, nhằm đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ của bà Lê Thị N. Ngày 13/6/2023, Ngân hàng N3 có văn bản số 54/NHNo.TXGC.TH gửi cho Tòa án với nội dung, các thửa đất 499, 500, 502, 503, tại ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang đang được bà N thế chấp vay 770.000.000 đồng tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng ngày 16/3/2018 và văn bản sửa đổi sổ sung hợp đồng ngày 16/10/2020. Dư nợ đến ngày 13/6/2023 là: 445.000.000 đồng (vốn vay), 15.068.000 đồng (lãi). Mặc dù, theo Công văn số 72/NHNo.TXGC.TH ngày 01/8/2023, Ngân hàng không yêu cầu bà N trả khoản nợ vay nói trên nhưng việc giải quyết vụ án liên quan đến tài sản thế chấp tại Ngân hàng nên cần thiết phải đưa Ngân hàng tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/7/2023, nguyên đơn có đơn yêu cầu giám định chữ ký của ông Lê Văn Đ tại Tờ cam kết ngày 29/4/2004 (tài liệu có trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn C1

ngày 20/8/2004), do Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thu thập tại giai đoạn phúc thẩm. Nội dung tài liệu trên thể hiện ông Lê Văn Đ đã đến Ủy ban nhân dân xã ký tên vào văn bản từ chối thừa kế di sản của mẹ là bà Nguyễn Thị H1 để giao cho cha là ông Lê Văn C1 đứng tên quyền sử dụng đất.

Ngày 21/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang nhận được Bản kết luận giám định số 1468/KL-KTHS(Đ2) ngày 19/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: "*Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký mang tên Lê Văn Đ trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Lê Văn Đ trên tài liệu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không*". Lý do, mẫu so sánh không ổn định.

Mặc dù, nội dung kết luận giám định trên không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký mang tên Lê Văn Đ tại Tờ cam kết ngày 29/4/2004 nhưng văn bản này được chứng thực chữ ký ngày 29/4/2004 tại Ủy ban nhân dân xã L, thể hiện tại Sổ chứng thực mở ngày 01/01/2004 do Ủy ban nhân dân xã L quản lý. Do đó, Tờ cam kết trên được xem là chứng cứ hợp pháp theo quy định tại Điều 93, khoản 9 Điều 94, khoản 10 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy, căn cứ vào nội dung Tờ cam kết ngày 29/4/2004, việc ông Đ đến Ủy ban nhân dân xã L từ chối hưởng di sản của bà H1 là có thật, phù hợp với Biên bản xác minh ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tại Ủy ban này.

Theo Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông C1 ngày 23/8/2004 (bút lục 242) và ngày 06/7/2004 (do Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thu thập) thể hiện các thửa đất tranh chấp được đề nghị cấp cho hộ, chủ hộ là ông Lê Văn C1 và các thành viên hộ gồm bà Lê Thị N và ông Lê Văn L1. Do đó, các thửa đất 499, 500, 502, 503 tại ấp L, xã L, thị xã G không phải là tài sản chung của vợ chồng ông C1 mà là tài sản chung của hộ ông Lê Văn C1 gồm ba thành viên: ông C1, bà N và ông L1.

Với các căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế của bà H1 cho ông Đ trong khi bà không còn di sản tại thời điểm tranh chấp là không phù hợp với quy định của pháp luật. Các đương sự không kháng cáo nội dung này nên việc chia di sản thừa kế của bà H1 đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, với các chứng cứ mới do Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thu thập gồm: Tờ cam kết ngày 29/4/2004; Biên bản xác minh ngày 25/4/2023 đã làm thay đổi toàn bộ nội dung vụ án. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để giải quyết vụ án một cách toàn diện, đúng pháp luật, cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thị xã Gò Công xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chưa xét kháng cáo của ông Lê Văn Đ.

Vấn đề cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm: Tòa án cấp sơ thẩm đưa người tham gia tố tụng là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G là không

chính xác theo quy định tại Điều 68, Điều 69 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 84 Bộ luật Dân sự nên cần rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi vụ án được giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 313, Điều 148 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 226/2022/DS-ST ngày 08/12/2022 của Toà án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án về cho Toà án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thẩm quyền.

2/ Về án phí: Ông Lê Văn Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ánh Phương